

Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ ở những bà mẹ sinh con tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương, năm 2021-2023

Situation of breastfeeding among mothers giving birth at the National Hospital of Obstetrics and Gynecology, 2021-2023

Vũ Văn Du, Lê Thị Ngọc Hương

Bệnh viện Phụ sản Trung ương

Tóm tắt

Mục tiêu: mô tả thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của bà mẹ sinh con tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương. *Đối tượng và phương pháp:* Nghiên cứu mô tả cắt ngang, tổng số 550 bà mẹ. *Kết quả:* 79,1% bà mẹ trong độ tuổi 21-35 tuổi, sinh mổ chiếm 56,2%, 91,6% người mẹ được tư vấn thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ, 65,8% trẻ được thực hiện da kề da, trong số đó có 94,6% số trẻ sinh thường được thực hiện da kề da. Tỷ lệ trẻ được bú sớm trong khoảng 1 giờ đầu sau sinh 37,3%. Có 91,6% người mẹ sinh con tại bệnh viện được hỗ trợ thực hành nuôi con bằng sữa mẹ với 4 hình thức khác nhau trong đó mát xa vú đạt 60,9%. Tỷ lệ cho con bú mẹ hoàn toàn trong thời gian nằm viện 18,9%. *Kết luận:* Phần lớn người mẹ được tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thực hành nuôi con bằng sữa mẹ, tuy nhiên tỷ lệ trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong thời gian nằm viện còn thấp.

Từ khóa: Bà mẹ, nuôi con bằng sữa mẹ, bệnh viện.

Summary

Objective: To describe the situation of breastfeeding among mothers giving birth at the National hospital of Obstetrics and Gynecology. *Subject and method:* A cross-sectional study, a total of 550 mothers. *Result:* 79.1% of mothers were in the age group of 21-35 years, with 56.2% of cesarean section. 91.6% of mothers were advised to breastfeed, and 65.8% of neonatals had skin-to-skin contact, in which 94.6% of vaginal births had this practice. The rate of early breastfeeding within the first hour after birth was 37.3%. 91.6% of mothers giving birth at the hospital received support for breastfeeding practice in four ways, with breast massage achieving 60.9%. The rate of exclusive breastfeeding during the hospital stay was 18.9%. *Conclusion:* Most mothers received advice, guidance and support for breastfeeding practice, but the rate of exclusive breastfeeding during the hospital stay remains low.

Keywords: Mothers, breastfeeding, hospital.

Ngày nhận bài: 20/11/2023, ngày chấp nhận đăng: 26/3/2024

Người phản hồi: Lê Thị Ngọc Hương, Email: huongle0583@gmail.com - Bệnh viện Phụ sản Trung ương

1. Đặt vấn đề

Sữa mẹ là nguồn dinh dưỡng đặc biệt quan trọng đối với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Sữa mẹ giúp nâng cao hệ miễn dịch của trẻ trong những ngày, tháng đầu tiên của cuộc đời mà không có bất kỳ sản phẩm nào khác có thể thay thế được. Nuôi con bằng sữa mẹ không những tốt cho sự phát triển trí não và những lợi ích suốt đời của trẻ mà còn bảo vệ sức khỏe của bà mẹ, đồng thời giúp cho việc gắn bó tình cảm mẹ con. Dù ý thức được tầm quan trọng của sữa mẹ nhưng tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu hiện nay khá thấp ở nhiều quốc gia. Theo điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 chế độ ăn của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được bú mẹ hoàn toàn là 45,4%. Đây là con số đáng lo ngại và chính điều này trở thành nguyên nhân gây ra những ảnh hưởng to lớn tới mầm non tương lai của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Bệnh viện Phụ sản Trung ương là cơ sở đầu ngành của chuyên ngành Phụ sản, sinh đẻ kế hoạch và sơ sinh, đồng thời là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật trên phạm vi cả nước. Trong những năm gần đây, từ khi ban hành Thông tư 38/2016/TT-BYT của Bộ Y tế quy định một số biện pháp thúc đẩy việc nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám, chữa bệnh; Nghị định số 100/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo và Quyết định số 02/QĐ-TTg về việc Phê duyệt chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Bệnh viện Phụ sản Trung ương đã tiến hành công tác tư vấn, tổ chức thực hiện và khảo sát thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ, với mong muốn nâng cao công tác dinh dưỡng và thực hành nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện, từ đó từng bước cải tiến chất lượng, góp phần nâng cao chất lượng dân số. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này với mục tiêu: *Mô tả thực hành nuôi con bằng sữa mẹ tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương.*

2. Đối tượng và phương pháp

2.1. Đối tượng

Tiêu chuẩn lựa chọn

Người mẹ sinh con tại bệnh viện đủ 18 tuổi trở lên, đã ra viện và đăng kí dịch vụ chăm sóc sau sinh tại Đơn vị chăm sóc sức khỏe tại nhà.

Đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

Nhân viên y tế hoặc người nhà của nhân viên y tế.

Không làm chủ được hành vi.

Người mẹ mắc bệnh không thể cho con bú như: HIV, lao giai đoạn đang lây.

2.2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu.

Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2023.

Cỡ mẫu: Công thức tính cỡ mẫu điều tra một tỷ lệ.

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu cần nghiên cứu.

Z: Hệ số tin cậy. Z = 1,96 (với $\alpha = 5\%$, độ tin cậy 95%).

p: Trong nghiên cứu này chúng tôi chọn $p = 46,7\%$ (Theo nghiên cứu của Bùi Tuấn Khoa năm 2017, tỷ lệ cho con bú trong vòng 1 giờ đầu sau sinh của bà mẹ tại huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ, năm 2012).

d: Sai số cho phép, trong nghiên cứu này chúng tôi lấy $d = 0,042$.

Thay vào công thức các giá trị trên ta tính được cỡ mẫu tối thiểu $n = 543$, thực tế nghiên cứu thu thập được 550 người mẹ.

Thu thập số liệu: Bộ câu hỏi thu thập số liệu dựa theo mẫu phiếu số 5 của Quyết định số 3869/QĐ-BYT của Bộ Y tế và thực trạng bệnh viện [3].

Phần I: Thông tin chung người bệnh bao gồm: tuổi, số lần sinh con, số ngày nằm viện, cách thức đẻ.

Phần II: Nội dung thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ bao gồm:

Đánh giá việc nhìn thấy quy định, tranh ảnh, tờ rơi tuyên truyền thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện.

Đánh giá về việc được tư vấn và mức độ hiểu sau khi được tư vấn về nuôi con bằng sữa mẹ.

Thực hành cắt rốn và da kể da sau sinh tại bệnh viện, cho trẻ bú mẹ ngay sau sinh và việc hỗ trợ thực hành cho con bú mẹ tại bệnh viện.

2.3. Phương pháp thu thập số liệu

Tập huấn, hướng dẫn nhân viên được phân công thu thập mẫu.

Lựa chọn người mẹ sau khi sinh con tại bệnh viện đã ra viện, có đăng ký dịch vụ chăm sóc sau sinh của bệnh viện. Nhân viên được phân công của Đơn vị Chăm sóc sức khỏe tại nhà sẽ trực tiếp phát

vấn, phỏng vấn người mẹ đủ điều kiện lựa chọn. Ghi chép đầy đủ vào phiếu thu thập.

2.4. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được nhập và xử lý sử dụng phần mềm SPSS 20.0, tính tỷ lệ phần trăm cho các biến định tính, các biến định lượng biểu thị bằng giá trị trung bình, độ lệch chuẩn nếu phân bố chuẩn, hoặc trung vị nếu phân bố không chuẩn.

2.5. Đạo đức trong nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được giải thích một cách rõ ràng về mục đích và nội dung của nghiên cứu trước khi tiến hành và chỉ tiến hành khi có sự chấp nhận hợp tác tham gia của đối tượng nghiên cứu. Tất cả thông tin của đối tượng nghiên cứu đều được giữ bí mật và hoàn toàn phục vụ mục đích nghiên cứu.

3. Kết quả

Qua nghiên cứu trên 550 bà mẹ sinh con trong 3 năm 2021, 2022, 2023 tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương chúng tôi thu được một số kết quả như sau:

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Thông tin		Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Tuổi mẹ 31,0 ± 5,1 (19 - 45)	≤ 20	5	0,9
	21-35	435	79,1
	>35	110	20,0
Cách sinh	Đẻ thường	241	43,8
	Đẻ mổ	309	56,2
Số lần sinh bé	1	295	53,6
	2	170	30,9
	≥ 3	85	15,5
Số lần vào viện	Lần đầu	319	58,0
	Từ lần 2 trở đi	231	42,0
Số ngày nằm viện	3,86 ± 2,1 (1-27)		

Nhận xét: Tuổi trung bình người mẹ sinh con tại bệnh viện là 31,0 ± 5,1 tuổi, đa số thuộc nhóm từ 21 - 35 tuổi (79,1%), trong đó người mẹ nhỏ tuổi nhất là 19 tuổi và lớn tuổi nhất là 45 tuổi. Người mẹ sinh mổ (56,2%); Người mẹ sinh lần đầu chiếm nhiều nhất với 53,6%, ngày nằm viện trung bình 3,86 ngày trong đó người mẹ nằm ít nhất là 1 ngày và dài ngày nhất là 27 ngày.

Bảng 2. Khía cạnh nhìn thấy quy định, tờ rơi, tranh ảnh tuyên truyền NCBSM

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Quy định thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ		
Khoa khám	191	34,7
Phòng chờ sinh	166	30,2
Phòng/khoa sau sinh	287	52,2
Phòng tư vấn	63	11,5
Không nhìn thấy	125	22,7
Tranh ảnh, tờ rơi tuyên truyền về nuôi con bằng sữa mẹ		
Khoa khám	204	37,1
Phòng chờ sinh	184	33,5
Phòng/khoa sau sinh	255	46,4
Buồng bệnh	107	19,5
Phòng tư vấn	61	11,1
Không nhìn thấy	125	22,7

Nhận xét: Có 77,3% nhìn thấy “Quy định thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ” và tranh ảnh, tờ rơi tuyên truyền về NCBSM tại bệnh viện, trong đó tỷ lệ nhìn thấy ở Phòng/khoa sau sinh là nhiều nhất 52,2% và 46,4%. Bên cạnh đó có 125 (22,7%) người mẹ không nhìn thấy.

Bảng 3. Khía cạnh tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ (n = 550)		
Bệnh viện không tư vấn	46	8,4
Tư vấn khi khám thai tại bệnh viện	105	19,1
Tư vấn trước sinh	106	19,3
Tư vấn sau sinh	456	82,9
Lý do không được bệnh viện tư vấn (n = 550)		
Do không khám thai tại bệnh viện	15	2,7
Do sinh cấp cứu	15	2,7
Do nhân viên y tế bỏ qua không tư vấn	11	2,0
Không biết, không rõ	6	1,1
Mức độ hiểu nội dung được tư vấn NCBSM (n = 504)		
Được tư vấn nhưng không hiểu	9	1,8
Được tư vấn có hiểu	495	98,2

Nhận xét: Có 504 (91,6%) người mẹ được nhân viên bệnh viện tư vấn về việc thực hiện NCBSM, bao gồm tư vấn khi khám thai tại bệnh viện, trước sinh, sau sinh và cả khi người mẹ ra viện được nhân viên của Đơn vị Chăm sóc tại nhà tư vấn. Bên cạnh đó có 8,4% người mẹ không được tư vấn, lí do là mẹ không khám theo dõi thai tại bệnh viện, do sinh cấp cứu, do nhân viên y tế bỏ qua hoặc không rõ lí do.

Trong số 504 người mẹ được tư vấn NCBSM, có 98,2% người mẹ hiểu ý nghĩa của việc NCBSM.

Bảng 4. Khía cạnh cắt rốn ngay sau sinh, da kề da và thời gian trẻ được bú mẹ lần đầu

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Cắt dây rốn (n = 550)		
Cắt dây rốn ngay sau khi sinh	205	37,3
Cắt dây rốn chậm	110	20,0
Không biết số phút	235	42,7
Da kề da (n = 362)		
Trẻ sinh thường được thực hiện “da kề da” (n = 241)	228	94,6
Trẻ sinh mổ được thực hiện “da kề da” (n = 309)	134	43,4
Tổng số trẻ được thực hiện “da kề da”	362	65,8
Bú mẹ cử đầu tiên (n = 386) (phút)		
≤ 60 phút sau sinh	144	37,3
> 60 phút sau sinh	242	62,7

Nhận xét: Có 20% người mẹ cho rằng được cắt rốn chậm sau sinh, ước tính khoảng 3 đến 5 phút sau sinh, 37,3% người mẹ cho rằng được cắt rốn ngay sau sinh và 42,7% người mẹ không nhớ, không biết số phút.

Có 65,8% trẻ được thực hiện da kề da với mẹ, số trẻ được bú mẹ 386 trẻ (70,2%) trong đó, trẻ bú mẹ cử đầu tiên ngay lập tức và trong vòng khoảng 60 phút đầu sau sinh đạt 37,3%, sau 60 phút là 62,7%.

Bảng 5. Khía cạnh hỗ trợ thực hành cho con bú mẹ

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Hỗ trợ thực hành cho con bú mẹ		
Hộ sinh, điều dưỡng	394	71,6
Bác sĩ	100	18,2
Người nhà	145	26,4
Không có ai hỗ trợ	46	8,4
Hình thức hỗ trợ thực hành NCBSM tại bệnh viện		
Trực tiếp hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng cách	292	53,1
Mát-xa vú	335	60,9
Thực hành vắt sữa	90	16,4
Thông tắc tia sữa	58	10,5

Nhận xét: Người mẹ sinh con tại bệnh viện hầu hết đều được nhân viên y tế hỗ trợ việc thực hành cho con bú mẹ 504 (91,6%), trong đó được hộ sinh, điều dưỡng hỗ trợ chiếm đa số (71,6%), tiếp đến được người nhà hỗ trợ (26,4%) và được bác sĩ hỗ trợ (18,2%). Bên cạnh đó, có 8,4% không được hỗ trợ.

Hình thức hỗ trợ người mẹ cho con bú trong đó mát xa vú chiếm nhiều nhất là 60,9%.

Bảng 6. Khía cạnh về thức ăn người mẹ cho trẻ ăn thêm trong thời gian ở bệnh viện

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Bú sữa mẹ hoàn toàn	104	18,9
Uống thêm các loại khác: Nước lọc, thuốc bổ...	10	1,8
Uống thêm sữa công thức	436	79,3

Nhận xét: Tỷ lệ người mẹ cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn thấp 18,9% và người mẹ có cho trẻ uống thêm sữa công thức cao 79,3%.

4. Bàn luận

Nghiên cứu được đánh giá 550 người mẹ sau khi sinh con tại bệnh viện từ tháng 1 năm 2021 đến tháng 9 năm 2023. Độ tuổi trung bình tham gia nghiên cứu là $31,0 \pm 5,1$ (19-45) tương đồng độ tuổi trung bình của bà mẹ trong nghiên cứu của Hoàng Thị Nam Giang và cộng sự $29,1 \pm 3,9$ (21-40) [1].

Về khía cạnh bà mẹ nhìn thấy quy định, tờ rơi, tranh ảnh tuyên truyền NCBSM, kết quả cho thấy 77,3% người mẹ nhìn thấy quy định, tờ rơi và tranh ảnh tuyên truyền thực hiện NCBSM tại bệnh viện, trong đó tỷ lệ nhìn thấy ở Phòng/khoa sau sinh là nhiều nhất 52,2% và 46,4%. Thực hiện theo Thông tư số 38/2016/TT-BYT ngày 31/10/2016 về việc “Quy định một số biện pháp thúc đẩy việc nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám, chữa bệnh” [5]. Bệnh viện đã triển khai thực hiện thành thường quy. Tất cả các khoa lâm sàng đều niêm yết bảng quy định “Mười điều kiện nuôi con bằng sữa mẹ” để nhân viên y tế cũng như thai phụ/sản phụ nắm được, tuy nhiên vị trí treo bảng hầu hết ở khu vực hành lang, trong khi hiện nay đa số các buồng bệnh/phòng bệnh đều có vệ sinh khép kín nên việc sản phụ/thai phụ di chuyển ra khu vực hành lang ít hơn do vậy khả năng tiếp cận hoặc nhìn thấy sẽ bị hạn chế hơn. Trong nghiên cứu này của chúng tôi có 22,7% người mẹ không thấy. Do vậy cần tăng cường truyền thông hơn nữa bằng âm thanh, hình ảnh trực quan sinh động ngay trong phòng/buồng bệnh để tăng thêm hiểu biết của người mẹ về thực hành nuôi con bằng sữa mẹ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 504 (91,6%) bà mẹ được bệnh viện tư vấn về thực hiện NCBSM ở nhiều thời điểm khác nhau, thời điểm trước và sau sinh và cả khi người mẹ ra viện có sử dụng dịch vụ chăm sóc sau sinh tại nhà, đa số (82,9%) người mẹ được tư vấn sau sinh, tiếp đến là tư vấn trước sinh và khi khám thai tại bệnh viện chiếm 38,4%. Bên cạnh đó có 8,4% người mẹ không được tư vấn, lí do không được tư vấn là do mẹ không khám thai tại

bệnh viện, do mẹ sinh cấp cứu, đau sau sinh.... Hầu hết người mẹ được bệnh viện tư vấn đều hiểu nội dung nuôi con bằng sữa mẹ chiếm 98,2%. Điều này cho thấy công tác truyền thông tư vấn của bệnh viện đang thực hiện rất tốt và cũng nhận được sự quan tâm hưởng ứng của người mẹ, tuy nhiên chưa có đánh giá sự hiểu biết của người mẹ, mà chỉ là cảm nhận của người mẹ.

Khía cạnh trẻ được tiếp xúc da kề da sau sinh đạt 65,8%, tỷ lệ của chúng tôi thấp hơn so với tác giả Lê Thị Phê ở Bệnh viện Hạnh Phúc (96,3%), [2] có thể lý giải do nghiên cứu của chúng tôi thực hiện ở bệnh viện Phụ sản Trung ương là bệnh viện tuyến cuối chuyên ngành Sản phụ khoa, nên nhiều mẹ hoặc con bệnh lý cần ưu tiên hồi sức sau sinh, còn nghiên cứu tại Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc là bệnh viện ngoài công lập, bệnh nhân chủ yếu là không có bệnh lý và là sinh thường chỉ có ít bệnh nhân mổ lấy thai chính vì vậy tỷ lệ da kề da cao hơn nghiên cứu của chúng tôi là điều dễ hiểu. Tỷ lệ được da kề da trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn với tác giả Phạm Thúy Quỳnh và cộng sự tại bệnh viện Phụ sản Hà Nội 86,7%, [5] điều này có thể lý giải là do đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là toàn bộ người mẹ kể cả sinh thường và sinh mổ, trong khi đối tượng nghiên cứu của tác giả chỉ là những người mẹ sinh thường, và cả mẹ, con đều không có bệnh lý.

Kết quả bảng 4 cho thấy người mẹ cho trẻ bú mẹ sau sinh là 386 chiếm 70,2%. Trong tổng số trẻ được bú mẹ, tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh là 37,3%, sở dĩ tỷ lệ này thấp là do tỷ lệ sinh mổ trong nghiên cứu của chúng tôi chiếm nhiều hơn (56,2%), kết hợp với điều kiện cơ sở vật chất và nhiều người mẹ có bệnh lý kèm theo nên con thường được chuyển theo dõi tại Trung tâm Sơ sinh. Sau khi bác sĩ khám đánh giá tình hình mẹ con đều ổn định, mẹ sau sinh mổ khoảng 4-6 giờ được chuyển về khu chăm sóc sau sinh, mẹ mới gặp con và được nhân viên khoa sau sinh tư vấn, hướng dẫn cho bú mẹ. Tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong thời gian nằm viện đạt thấp 18,9%, tỷ lệ người mẹ cho con ăn thêm sữa công thức cao 79,3% (Bảng 6). Tỷ lệ trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với tác giả Nguyễn Thị Liên và

cộng sự ở Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (14,5%) năm 2020, [4] và thấp hơn với Ngô Thị Thanh Thảo và cộng sự (2019) tại Bệnh viện Hùng Vương - TP. Hồ Chí Minh (28,5%) [6]. Tuy nhiên tỷ lệ này được đánh giá là thấp tại bệnh viện chuyên khoa tuyến cuối do bệnh viện chưa xây dựng ngân hàng sữa mẹ, trong khi đa số người mẹ sinh tại bệnh viện là người mẹ có bệnh lý nặng từ các tỉnh khu vực phía bắc và trung bộ chuyển về, bên cạnh đó do chủ quan người mẹ mệt/đau sau sinh kết hợp tâm lý lo lắng cho rằng mình không có sữa, ít sữa ...

Đánh giá về việc hỗ trợ người thực hành cho trẻ bú mẹ thì đa số người mẹ được hỗ trợ 91,6%, trong đó tỷ lệ người mẹ được Hộ sinh, điều dưỡng hỗ trợ đạt cao nhất 71,6%. Có 4 hình thức người mẹ được hỗ trợ tại bệnh viện, trong đó tỷ lệ được mát xa bầu vú đạt 60,9%, tiếp đến có 53,1% được trực tiếp hướng dẫn người mẹ cho trẻ bú đúng cách. Mặc dù người mẹ sinh con tại bệnh viện được tư vấn, được hỗ trợ thực hành nuôi con bằng sữa mẹ tại bệnh viện cao, song việc cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong thời gian nằm viện còn thấp. Do vậy, cần tuyên truyền tích cực hơn nữa để người mẹ có thêm kiến thức, thực hiện tốt hơn nữa việc nuôi con bằng sữa mẹ, mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ, cho mẹ, cho gia đình và cộng đồng.

Đây là một trong số ít những nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam đánh giá nuôi con bằng sữa mẹ theo tiêu chí của Bộ Y tế. Tuy nhiên nghiên cứu cũng không tránh khỏi một số hạn chế nhất định. Bản chất của thiết kế nghiên cứu này là nghiên cứu hồi cứu, thu thập số liệu thông qua phỏng vấn trực tiếp người bệnh khi đã ra viện, do đó kết quả đánh giá có thể bị ảnh hưởng bởi khả năng nhớ lại của người bệnh. Tuy nhiên, kết quả trong nghiên cứu đã cung cấp bức tranh tổng thể về vấn đề thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ từ đó là cơ sở để thực hiện những nghiên cứu và tiến hành các chương trình can thiệp nhằm nâng cao tầm quan trọng nuôi con bằng sữa mẹ.

5. Kết luận

Phần lớn người mẹ được tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thực hành nuôi con bằng sữa mẹ, tuy nhiên tỷ lệ

trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong thời gian nằm viện còn rất thấp.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Thị Nam Giang và Đỗ Thị Thúy Duy (2022) *Nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong thời gian nằm viện sau sinh và các yếu tố liên quan*. Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, Tập 20, số 9, tr. 78-82.
2. Lê Thị Phê, Nguyễn Trọng Hưng, Lê Thị Thu Hà (2022) *Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ sau sinh trong thời gian nằm viện tại khoa sản bệnh viện quốc tế Hạnh Phúc tỉnh Bình Dương năm 2022 và một số yếu tố liên quan*. Tạp Chí Y học Cộng đồng, Tập 64, số 3, tr. 110-117.
3. Bộ Y tế (2019) *Quyết định 3869/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành các mẫu phiếu và hướng dẫn khảo sát hài lòng Người bệnh và Nhân viên y tế*.
4. Nguyễn Thị Liên, Phạm Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Mai Hương (2021) *Kiến thức và thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh và bú mẹ hoàn toàn của bà mẹ tại bệnh viện Phụ sản Hà Nội*. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, Tập 4, số 2, tr. 102-108.
5. Phạm Thúy Quỳnh, Nguyễn Minh An, Bùi Thị Phương (2019) *Đánh giá thực trạng chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2018*. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, tập 2, số 1.
6. Bộ Y tế (2016) *Thông tư số 38/2016/TT-BYT ngày 31/10/2016 về việc "Quy định một số biện pháp thúc đẩy việc nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám, chữa bệnh"*.
7. Ngô Thị Thanh Thảo, Trần Thị Hồng Thắm, Huỳnh Thị Minh Dung, Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Thị Hà (2019) *Kiến thức, thái độ và thực hành cho bú mẹ sau sinh của các bà mẹ sinh ngã âm đạo tại Bệnh viện Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp Chí Phụ sản, 16(4), tr. 73-78.